

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1635 /GPMT-UBND

Nghệ An, ngày 22 tháng 4 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét Văn bản số 70/CV-TTH ngày 06/4/2026 của Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 4172/SNNMT- BVMT ngày 16/4/2026 về việc cấp giấy phép môi trường cho dự án Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh, địa chỉ tại số nhà 105 đường Lý Thường Kiệt, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An (trước đây là phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh (đối tượng xin cấp phép là hạng mục khu nhà A khám chữa bệnh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh (đối tượng xin cấp phép là hạng mục khu nhà A khám chữa bệnh).

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 2901018084 đăng ký lần đầu: ngày 07/02/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 14: ngày 24/09/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp.

1.4. Mã số thuế: 2901018084.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: dịch vụ khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Nhóm dự án: Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh (đối tượng xin cấp phép là hạng mục khu nhà A khám chữa bệnh) có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Quy mô, công suất:

+ Quy mô các hạng mục công trình gồm kiến trúc 9 tầng nổi + 1 tầng hầm, diện tích xây dựng 1.146,41m².

+ Quy mô giường bệnh của khu nhà A là 50 giường (sau khi Giấy phép môi trường có hiệu lực yêu cầu Bệnh viện hoạt động đảm bảo quy mô giường bệnh phù hợp theo quy định).

1.7. Diện tích đất của dự án: 4.171,7m², trong đó phần diện tích đất xây dựng (có hạng mục phát sinh chất thải) đã hoàn thành là 1.146,41m². Cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Tổng diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích công trình xây dựng đã hoàn thành (m ²)	Ghi chú
1	Khu nhà A khám chữa bệnh cao 9 tầng	1.146,41	1.146,41	Đã xây dựng hoàn thiện các công trình và hệ thống XLNT công suất 200m ³ /ngày.đêm
2	Khu nhà B khám chữa bệnh +	590	Chưa xây dựng	Hiện tại khu nhà hiện hữu 4 tầng và hệ

	không gian phụ trợ cao 9 tầng			thống XLNT công suất 100m ³ /ngày đêm vẫn đang được sử dụng và chưa phá dỡ
3	Hành lang cầu thang từ tầng 3 - 9	-	Chưa xây dựng	Do chưa xây dựng khu nhà B nên chưa xây dựng hành lang cầu thang
4	Sân đường nội bộ	2.435,29	Chưa xây dựng	Chưa hoàn thiện sân đường nội bộ do hạng mục nhà hiện hữu 4 tầng vẫn đang hoạt động

Các công trình, hạng mục theo Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 14/10/2023 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Bệnh viện đa khoa TTH Vinh tại phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép đầu nối nước thải và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu

tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc đầu nối nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Thành Vinh và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- PCT UBND tỉnh (Nguyễn Văn Đệ);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Thành Vinh;
- Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, Th)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số 1635/GPMT-UBND
ngày 22 / 4 / 2026 của UBND tỉnh)

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh tại phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực dọc đường Lý Thường Kiệt về nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn phường Trường Vinh để tiếp tục xử lý; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh đã có thỏa thuận đầu nối thoát nước với Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển hạ tầng đô thị Vinh (là đơn vị vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn phường Trường Vinh) tại Văn bản số 96/CV-HTV ngày 17/11/2025.

+ Chất lượng nước thải sau xử lý của dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu vực dọc đường Lý Thường Kiệt phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 28:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Từ ngày 01/01/2032: QCVN 40:2025/BTNMT (cột B).

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2066417 (m); Y = 597093 (m) (theo hệ tọa độ quốc gia VN-2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: nước thải phát sinh từ 5 nguồn:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của bệnh viện (phát sinh từ tắm rửa, nhà vệ sinh, sinh hoạt của bệnh nhân và các cán bộ từ các phòng, khoa, tầng của khối bệnh viện).

- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ tầng hầm của bệnh viện.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ khu vực phòng giặt tại tầng hầm của khối bệnh viện.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh của bệnh viện;

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ hoạt động lau sàn tại bệnh viện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước D800 của phường Thành Vinh dọc đường Lý Thường Kiệt.

2.2. Vị trí đầu nối:

- Khôi 5, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Tọa độ vị trí điểm đầu nổi nước thải: X = 2066417 (m); Y = 597093 (m) (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiều 03⁰).
- Vị trí đầu nổi nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát nguồn thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 200 m³/ngày đêm, tương đương 8,33 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức từ hệ thống XLNT qua hồ ga vào mương thoát nước thải dọc đường Lý Thường Kiệt, phường Thành Vinh về hệ thống xử lý nước thải tập trung trên địa bàn phường Trường Vinh trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

2.5. Chế độ đầu nổi: liên tục.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi đầu nổi phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế đến hết ngày 31/12/2031. Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải phải đảm bảo các chỉ tiêu giới hạn như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) Áp dụng đến hết ngày 31/12/2031	QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) Áp dụng từ ngày 01/01/2032	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	≤ 60		
3	COD	mg/l	100	≤ 90		
4	Tổng Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	≤ 80		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4			
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	≤ 10		
7	Tổng N	mg/l		≤ 40		
8	Tổng P	mg/l		≤ 6,0		
9	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50			
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10			
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	≤ 30		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000	≤ 5 000		
13	Salmonella	vk/100 ml	KPH			

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) Áp dụng đến hết ngày 31/12/2031	QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) Áp dụng từ ngày 01/01/2032	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
14	Shigella	vk/100 ml	KPH			
15	Vibrio cholerae	vk/100 ml	KPH			
16	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l		≤ 5		
17	Clo dư	mg/l		≤ 2,0		
18	Chlorofom	mg/l		≤ 0,8		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh từ 05 nguồn:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của bệnh viện (phát sinh từ tắm rửa, nhà vệ sinh, sinh hoạt của bệnh nhân và các cán bộ từ các phòng, khoa, tầng của khối bệnh viện).

- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ tầng hầm của bệnh viện.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ khu vực phòng giặt của khối bệnh viện.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh của bệnh viện;

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ hoạt động lau sàn tại bệnh viện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Số lượng, vị trí: 02 bể (3 ngăn) kết cấu bê tông cốt thép, 01 bể được đặt phía Tây Bắc khu nhà A, thể tích 75,75m³ và 01 bể được đặt tại tầng hầm khu nhà A, thể tích 33,74m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (nước thải từ nhà vệ sinh các tầng (bệ xí, bệ tiểu) → bể tự hoại 03 ngăn được đặt phía Tây Bắc khu nhà A); (nước thải từ nhà vệ sinh của tầng hầm → bể tự hoại 3 ngăn dưới tầng hầm và được bơm cưỡng bức) → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: không

1.2.2. Bể lắng sơ bộ

- Số lượng, vị trí: 01 bể lắng sơ bộ có tổng dung tích 33,74 m³ được đặt tại khu vực tầng hầm, kết cấu bê tông cốt thép.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải giặt là tại khu vực tầng hầm → bể lắng sơ bộ và được bơm cưỡng bức → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: nước thải phát của Bệnh viện sau khi xử lý sơ bộ → Đường ống thu gom → Hồ gom tách rác → Bể điều hoà → Bể tách dầu mỡ → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể Lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn 28:2010/BTNMT cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu vực → hệ thống XLNT trên địa bàn phường Trường Vinh → sông Rào Đùng.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin, urea (hoặc các vật liệu, hóa chất khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên giám sát hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường. Tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy định trong công tác thực hiện các biện pháp an toàn trong vận hành, bảo vệ môi trường. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, chuyên gia công nghệ, lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên, cán bộ kỹ thuật vận hành hệ thống kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra. Bố trí công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, năng lực để làm việc.

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, đường ống,... để thay thế kịp thời xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành các công trình xử lý nước thải và bảo trì các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế thiết bị của các công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn hệ thống đường ống dẫn nước.
- Trường hợp hệ thống gặp sự cố cần nhanh chóng khắc phục sự cố để đưa hệ thống xử lý nước thải trở lại hoạt động bình thường. Trường hợp thời gian sửa chữa lâu, các bể trong hệ thống xử lý nước thải không đủ khả năng lưu chứa. Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý, không đầu nối nước thải không đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường này.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí tại hố ga (trước khi đầu nối).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh phải giám sát các chất ô nhiễm đối với nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm, đảm bảo đáp ứng giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT): phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng các quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm nêu tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Bệnh

viện TTH Vinh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, điểm e Khoản 3 Điều 36 Nghị định 48/2026/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thu gom, xử lý và đầu nối nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn phường Trường Vinh để tiếp tục xử lý; khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này thì phải dừng ngay việc đầu nối nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số 1635 /GPMT-UBND ngày 22 /4 /2026 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Đối với bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông: phân luồng xe hợp lý, giới hạn tốc độ từ các phương tiện ra vào bệnh viện, bố trí quạt thông gió cho tầng hầm đảm bảo không khí được lưu thông liên tục.

- Đối với khí thải và mùi từ quá trình khám chữa bệnh: trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ, bố trí hệ thống quạt trần thông gió, thường xuyên vệ sinh sạch sẽ tại các phòng khám chữa bệnh.

- Đối với khí thải của máy phát điện (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện): nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Bố trí ống khói và các phương án phòng ngừa sự cố.

- Đối với mùi phát sinh từ kho tập kết rác, hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán vào môi trường không khí.

+ Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống thu gom và thoát nước thải như các loại bơm, khắc phục sự cố nhanh và hiệu quả nhất, đảm bảo quá trình vận hành được xảy ra liên tục.

+ Kho tập kết chất thải thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, phun khử mùi, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chất thải, vận chuyển chất thải hàng ngày.

+ Tăng tần suất thu gom không lưu giữ chất thải lâu để hạn chế chất chất thải gây mùi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.2. Phòng đặt thiết bị bức xạ (máy X – quang, CT scanner) được thiết kế theo “TCVN 6561:1999 tiêu chuẩn an toàn bức xạ ion hoá tại các cơ sở X-quang y tế” và đảm bảo Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân tại Thông tư số 59/2025/TT-BKHHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.2. Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải, gây mùi không đảm bảo các yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số 1635 /GPMТ-UBND
ngày 22 / 4 /2026 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nguồn không thường xuyên).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: tọa độ: X= 2066429 m; Y= 597102 m.

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Kể từ ngày 01/01/2027: Áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú	Thời gian áp dụng
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		QCVN 26:2010/BTNMT	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường	Áp dụng đến ngày 31/12/2026
	70	55					
2	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	QCVN 26:2025/BTNMT	Không thuộc đối tượng	Khu vực A	Áp dụng từ ngày 01/01/2027
	50	45	40				

3.2. Độ rung

Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: Áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Kể từ

ngày 01/01/2027: Áp dụng QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú	Thời gian áp dụng
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	QCVN 27:2010/ BTNMT	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường	Áp dụng đến ngày 31/12/2026
	70	60				
2	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ	QCVN 27:2025/ BTNMT	Không thuộc đối tượng	Khu vực A	Áp dụng từ ngày 01/01/2027
	60	55				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê đệm chân đế máy để hạn chế độ rung, lắp phòng để máy phát điện cách âm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung;

- Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(kèm theo Giấy phép môi trường số 1635 /GPMT-UBND
ngày 22 / 4 /2026 của UBND tỉnh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải y tế nguy hại, chất thải nguy hại thông thường khác	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/ngày)	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm phát sinh khoảng 35kg/ngày, bao gồm			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bao gồm kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh	13 01 01	10	NH
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh)	13 01 01	10	NH
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm tương đương an toàn sinh học cấp II trở lên; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, khu vực điều trị cách ly, khu vực lấy mẫu xét nghiệm người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B	13 01 01	10	NH
4	Chất thải giải phẫu bao gồm mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ, xác động vật thí nghiệm	13 01 01	5	NH

TT	Loại chất thải y tế nguy hại, chất thải nguy hại thông thường khác	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/ngày)	Ký hiệu phân loại
II	Chất thải không lây nhiễm phát sinh khoảng 9,5 kg/ngày, bao gồm			
5	Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	13 01 02	1,5	KS
6	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	13 01 03	1	NH
7	Dung dịch rửa phim X- Quang, nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	13 01 02	1	NH
8	Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 02	2	NH
9	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	13 01 02	3	NH
10	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi (Cd); pin, ắc quy thải bỏ; vật liệu tráng chì sử dụng trong ngăn tia xạ thải bỏ	13 01 02	1	NH
III	Chất thải khác phát sinh khoảng 3,5 kg/ngày, bao gồm			
11	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1	KS
12	Bao bì mềm, giẻ lau thải bỏ	18 01 01	1	KS
13	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,5	NH
14	Thùng bao bì cứng, chai lọ chứa CTNH thải	18 01 04	1	NH
Tổng cộng			48 kg/ngày	

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng 18,761 tấn/năm định kỳ được đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại: khoảng 34,34 tấn/năm định kỳ được đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống thu gom: khoảng 1,61 tấn/năm định kỳ được đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải tái chế thông thường: khoảng 44.034 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 220.168 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: chất thải lây nhiễm sắc nhọn được lưu chứa trong 2 thùng vàng 240 lít; Chất thải lây nhiễm khác được lưu chứa trong 4 thùng vàng 240 lít và 1 tủ đông; Chất thải nguy hại không lây nhiễm được lưu chứa trong 3 thùng đen 240 lít; các thùng đều có nắp đậy, bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại được để tại kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa chất thải:

+ Diện tích kho: 15m².

+ Thiết kế, cấu tạo các kho: Kho kín, tường bao tôn thép, mái lợp tôn, nền xi măng chống thấm, có cửa ra vào và biển báo; có bố trí thiết bị lưu chứa riêng biệt, dán mã chất thải nguy hại; trang bị các thiết bị PCCC (bình chữa cháy), vật liệu hấp thụ (cát khô), xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ CTNH ở thể lỏng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng, vận chuyển xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bùn phát sinh được lưu chứa tại bể xử lý.

Bùn thải phát sinh từ các trạm xử lý nước thải tập trung được lưu chứa trong bể chứa bùn, bùn phát sinh từ bể tự hoại được lưu chứa trong bể tự hoại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng, vận chuyển xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn thông thường tái chế: 01 kho.

- Diện tích 5m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho kín, tường bao bằng tôn, có mái che và có biển báo; lát nền xi măng, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng, vận chuyển xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống công trình lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa chất thải rắn thông thường: 120 thùng chứa chất thải rắn dung tích 15 lít tại các vị trí các tầng, 4 thùng chứa màu trắng dung tích 240 lít tại khu tập kết rác để lưu trữ chất thải tái chế, 2 thùng rác màu xanh có dung tích 240 lít dùng để lưu trữ chất thải rắn thực phẩm, 9 thùng rác màu xanh có dung tích 120 lít dùng để lưu trữ chất thải rắn không thể tái chế; để phân loại

theo đúng quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An.

2.3.2. Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 01 kho

- Diện tích kho: 15m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho kín, tường xây lắp bằng gạch và bao tôn, có mái che và có biển báo; lát nền xi măng, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng, vận chuyên xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với hệ thống, công trình lưu giữ, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư 09/2026/TT-BNNMT và Thông tư 20/2021/TT-BYT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của chính quyền địa phương và chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số 1635 /GPMT-UBND
ngày 22 /4 /2026 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục công trình còn tiếp tục thực hiện theo nội dung Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mở rộng Bệnh viện đa khoa tư nhân Nguyễn Minh Hồng tại phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (từ 100 giường bệnh lên 120 giường bệnh). Bao gồm:

1. Tận dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung cũ của nhà hiện hữu 4 tầng sau khi phá dỡ để sử dụng làm bể sục với thời gian lưu giữ nước thải tối thiểu 1 ngày. Tổng diện tích bể sục sau khi hoàn thiện là 83,74m², chiều sâu bể 1,7m.

2. Xây dựng, lắp đặt bổ sung các công trình thiết bị về bảo vệ môi trường: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng; hệ thống thu gom và thoát nước thải của khu nhà B khám chữa bệnh sẽ được đấu nối vào hệ thống XLNT công suất 200m³/ngày.đêm đã được xây dựng tại khu nhà A.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại khu vực thi công trong giai đoạn còn lại của dự án:

1.1. Đối với thu gom và xử lý nước mưa, nước thải:

Thu gom, xử lý, quản lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất

lượng không khí.

1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

Thu gom toàn bộ các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TTBTNMT; Thông tư số 07/2025/TTBTNMT, Thông tư 09/2026/TT-BNNMT, Thông tư 20/2021/TT-BYT và các quy định khác có liên quan.

1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TTBTNMT; Thông tư số 07/2025/TTBTNMT, Thông tư 09/2026/TT-BNNMT, Thông tư 20/2021/TT-BYT và các quy định khác có liên quan.

1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công:

Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện.

2. Sau khi đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo, Công ty Cổ phần Bệnh viện TTH Vinh có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với giai đoạn tiếp theo của dự án theo quy định pháp luật.

3. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Quản lý và sử dụng hóa chất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc tăng cường thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, áp dụng các giải pháp xử lý nước thải tiên tiến tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

